

Bản án số: 589/2019/DS-ST
Ngày 29-11-2019
V/v tranh chấp hợp đồng tín dụng

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TOÀ ÁN NHÂN DÂN QUẬN GÒ VẤP, THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà: Ông Nguyễn Hoàng Linh

Các Hội thẩm nhân dân: Bà Võ Thị Mai

Bà Trương Thị Hồng Phương

- Thư ký phiên toà: Bà Trần Thị Kim Hoài – Thư ký Toà án quận Gò Vấp.

Ngày 29 tháng 11 năm 2019 tại trụ sở Toà án nhân dân quận Gò Vấp xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 315/2019/TLST-DS ngày 04 tháng 6 năm 2019 về việc “Tranh chấp về hợp đồng tín dụng” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 366/2019/QĐXX-ST ngày 04 tháng 11 năm 2019 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Ngân hàng A; địa chỉ: 130 Phan Đăng Lưu, Phường 13, quận Phú Nhuận, Thành phố Hồ Chí Minh.

Người đại diện hợp pháp: Ông Nguyễn T; địa chỉ: 418 Trần Phú, Phường 7, Quận 5, Thành phố Hồ Chí Minh.

Bị đơn: Ông Phạm Tứ B; Địa chỉ: 428 Nguyễn Thái S, Phường 5, quận Gò Vấp, Thành phố Hồ Chí Minh.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: Ông Trần Thanh S; Địa chỉ: 253 Nguyễn Văn Đậu, Phường 11, quận Bình Thạnh, Thành phố Hồ Chí Minh.

Địa chỉ liên lạc: 428/60A Lê Quang Định, Phường 11, quận Bình Thạnh, Thành phố Hồ Chí Minh.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 02/4/2019 và các biên bản làm việc tại Tòa án nguyên đơn là Ngân hàng A và người đại diện hợp pháp của nguyên đơn trình bày:

Ngày 16/6/2015, Ngân hàng A – Chi nhánh Quận 5, Thành phố Hồ Chí Minh có ký hợp đồng dịch vụ thấu chi tài khoản thẻ số 018TC000033/15 với ông Phạm Tứ B. Theo đó, Ngân hàng cấp cho ông B tổng hạn mức vay là 3.000.000.000 đồng, với lãi suất là 16,8%/năm, mục đích vay để tiêu dùng và thời

hạn vay là 12 tháng. Biện pháp bảo đảm: tín chấp và được ông Trần Thanh S bảo lãnh theo biên bản cam kết về việc trả nợ thay ngày 22/03/2016.

Trong quá trình vay, từ ngày 16/6/2015 đến nay, ông Phạm Tứ B không thanh toán đầy đủ cho Ngân hàng A. Tạm tính đến ngày 08/11/2019, ông B còn nợ các khoản sau: nợ gốc là 2.473.049.857 đồng, lãi trong hạn: 366.371.698 đồng, lãi quá hạn: 2.146.607.276 đồng. Tổng cộng: 4.986.028.831 đồng. Do ông Phạm Tứ B vi phạm nghĩa vụ trả nợ, nên từ ngày 16/6/2016, Ngân Hàng đã chuyển toàn bộ số nợ vay còn thiếu sang nợ quá hạn.

Nguyên đơn yêu cầu Tòa án buộc ông Phạm Tứ B thanh toán toàn bộ nợ gốc và lãi tạm tính đến ngày 08/11/2019 với số tiền là 4.986.028.831 đồng và lãi phát sinh từ ngày 09/11/2019 đến khi ông B trả hết nợ cho Ngân hàng. Buộc ông Trần Thanh S phải trả nợ thay cho ông Phạm Tứ B với vai trò là người bảo lãnh trong trường hợp ông Phạm Tứ B không trả được khoản nợ trên cho Ngân hàng. Yêu cầu trả một lần ngay khi bản án có hiệu lực pháp luật.

Tại phiên tòa, nguyên đơn vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện. Số nợ phát sinh đến ngày 29/11/2019 gồm: nợ gốc là 2.473.049.857 đồng, lãi trong hạn: 366.371.698 đồng, lãi quá hạn: 2.184.692.244 đồng. Tổng cộng: 5.024.113.798 đồng

Tòa án đã nhiều lần triệu tập họp lệ bị đơn ông Phạm Tứ B đến làm việc tại Tòa án nhân dân quận Gò Vấp nhưng ông B vắng mặt không có lý do. Vì vậy, Tòa án không thể ghi nhận được ý kiến của ông B.

Tại giấy cam kết ngày 22/3/2016 và bản tự khai ngày 15/10/2019, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Trần Thanh S trình bày: Ngày 16/6/2015, nguyên đơn có cấp hạn mức tín dụng cho bị đơn 3.000.000.000 đồng theo hợp đồng tín dụng dịch vụ thấu chi tài khoản số 018TC000033/15 với lãi suất 16,8%/năm. Cùng ngày ký hợp đồng tín dụng, ông S có lập bản cam kết với nội dung bảo lãnh toàn bộ nghĩa vụ trả nợ phát sinh từ hợp đồng tín dụng cho bị đơn. Ông S thừa nhận tính đến ngày 15/10/2019: bị đơn còn nợ nguyên đơn: nợ gốc là 2.473.049.857 đồng, lãi trong hạn: 366.371.698 đồng, lãi quá hạn: 2.146.607.276 đồng, tổng cộng: 4.986.028.831 đồng. Nay ông S đồng ý thực hiện nghĩa vụ bảo lãnh thanh toán toàn bộ số nợ cho bị đơn.

Tại phiên tòa, ông S vắng mặt.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, Tòa án nhận định:

[1]. Về quan hệ pháp luật tranh chấp và thẩm quyền của Tòa án: Căn cứ Khoản 3 Điều 26, Điểm b Khoản 1 Điều 35, Khoản 1 Điều 39 của Bộ Luật tố tụng dân sự năm 2015 đây là tranh chấp hợp đồng tín dụng thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân quận Gò Vấp, Thành phố Hồ Chí Minh.

[2]. Về thủ tục tố tụng: Tòa án đã triệu tập hợp lệ bị đơn và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến tham gia phiên tòa vào ngày 15/11/2019 và ngày 29/11/2019 nhưng bị đơn và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vắng mặt không có lý do. Căn cứ Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, Tòa án vẫn tiến hành phiên tòa theo quy định của pháp luật.

[3] . Về yêu cầu của các đương sự:

Xét yêu cầu của nguyên đơn về việc buộc bị đơn phải thanh toán số nợ gốc 2.473.049.857 đồng, lãi trong hạn: 366.371.698 đồng, lãi quá hạn: 2.184.692.244 đồng, tổng cộng: 5.024.113.798 đồng, Hội đồng xét xử thấy:

Căn cứ Giấy đăng ký sử dụng dịch vụ thấu chi tài khoản thẻ ngày 15/6/2015, bản tự khai của các đương sự và các tài liệu, chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án, có đủ cơ sở để xác định nguyên đơn và bị đơn có ký kết hợp đồng sử dụng dịch vụ thấu chi ngày 15/6/2015. Quá trình thực hiện hợp đồng, nguyên đơn đã giải ngân cho bị đơn 2.473.049.857 đồng với lãi suất vay là 16,8%/năm, thời hạn vay là 12 tháng. Tính đến ngày 29/11/2019, bị đơn còn nợ số tiền gốc là 2.473.049.857 đồng, lãi trong hạn: 366.371.698 đồng, lãi quá hạn: 2.184.692.244 đồng. Như vậy, bị đơn đã vi phạm nghĩa vụ thanh toán.

Căn cứ Điều 463, Điều 466 Bộ luật Dân sự năm 2015, Điều 91, Điều 95 Luật các tổ chức tín dụng năm 2010, Hội đồng xét xử xét thấy yêu cầu của nguyên đơn buộc bị đơn thanh toán tiền nợ gốc 2.473.049.857 đồng, lãi trong hạn: 366.371.698 đồng, lãi quá hạn: 2.184.692.244 đồng, tổng cộng: 5.024.113.798 đồng là có cơ sở, phù hợp với quy định của pháp luật nên chấp nhận.

Xét yêu cầu của nguyên đơn buộc bị đơn phải thanh toán lãi phát sinh theo hợp đồng tính trên dư nợ gốc cho đến khi thi thanh toán xong khoản nợ trên:

Căn cứ Điều 13 Nghị quyết 01/2019/ NQ-HĐTP ngày 11/01/2019 của Hội đồng thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao về việc hướng dẫn áp dụng một số quy định của pháp luật về lãi, lãi suất, phạt vi phạm: “Đối với trường hợp chậm thực hiện nghĩa vụ trong hợp đồng mà các bên có thỏa thuận về việc trả lãi thì quyết định kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất các bên thỏa thuận nhưng phải phù hợp với quy định của pháp luật; nếu không có thỏa thuận về mức lãi suất thì quyết định theo mức lãi suất quy định tại Khoản 2 Điều 468 của Bộ luật dân sự năm 2015”. Do đó, cần buộc bị đơn phải tiếp tục thanh toán lãi quá hạn đối với khoản nợ gốc kể từ sau khi tuyên án sơ thẩm cho đến khi thanh toán xong khoản nợ gốc, theo mức lãi suất mà các bên đã thỏa thuận trong hợp đồng tín dụng.

Xét yêu cầu của nguyên đơn buộc người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Trần Thanh S phải thực hiện nghĩa vụ bảo lãnh toàn bộ số nợ của bị đơn phát sinh từ hợp đồng tín dụng: Tại giấy cam kết ngày 22/3/2016 và bản tự khai ngày 15/10/2019, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Trần Thanh S cam kết sẽ thay ông Phạm Tứ B trả hết khoản nợ trên cho Ngân hàng thương mại cổ phần .

Căn cứ Điều 335, Điều 399, Điều 342 Bộ luật Dân sự năm 2015, HĐXX chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn: Trong trường bị đơn không thực hiện hoặc thực hiện không đúng nghĩa vụ trả nợ thì người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Trần Thanh S phải thực hiện nghĩa vụ bảo lãnh thanh toán hết toàn bộ số nợ của bị đơn phát sinh từ Hợp đồng dịch vụ thấu chi tài khoản thẻ số 018TC000033/15 ngày 16/6/2015.

[4]. Về án phí dân sự sơ thẩm: Do yêu cầu của nguyên đơn được chấp nhận nên bị đơn phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là: 113.024.113 đồng.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147, Điều 228, Điều 271, Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ khoản 1 và khoản 2 Điều 280, Điều 335, Điều 342, Điều 463, khoản 1 Điều 466 của Bộ luật dân sự năm 2015;

Căn cứ Điều 91, Điều 95 của Luật các tổ chức tín dụng năm 2010;

Căn cứ Điều 6, 7, 9 và 30 Luật thi hành án dân sự;

Căn cứ khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Căn cứ Điều 7, Khoản 1 Điều 8, Điều 13 Nghị quyết 01/2019/ NQ-HĐTP ngày 11/01/2019 của Hội đồng thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao về việc hướng dẫn áp dụng một số quy định của pháp luật về lãi, lãi suất, phạt vi phạm;

Tuyên xử:

1. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu của Ngân hàng Thương mại cổ phần A : buộc ông Phạm Tứ B phải thanh toán cho Ngân hàng Thương mại cổ phần A số nợ phát sinh từ hợp đồng dịch vụ thấu chi tài khoản thẻ số 018TC000033/15 ngày 15/6/2015 gồm: tiền nợ gốc 2.473.049.857 đồng, lãi trong hạn: 366.371.698 đồng, lãi quá hạn: 2.184.692.244 đồng, tổng cộng: 5.024.113.798 đồng (năm tỷ không trăm hai mươi bốn triệu một trăm mười ba nghìn bảy trăm chín mươi tám đồng), trả một lần ngay khi bản án có hiệu lực pháp luật.

Kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm, ông Phạm Tứ B còn phải tiếp tục chịu khoản tiền lãi quá hạn của số tiền nợ gốc chưa thanh toán, theo mức lãi suất mà các bên thoả thuận trong hợp đồng cho đến khi thanh toán xong khoản nợ gốc này. Trường hợp trong hợp đồng tín dụng, các bên có thoả thuận về việc điều chỉnh lãi suất cho vay theo từng thời kỳ của Ngân hàng cho vay thì lãi suất mà khách hàng vay phải tiếp tục thanh toán cho Ngân hàng cho vay theo quyết định của Toà án cũng sẽ được điều chỉnh cho phù hợp với sự điều chỉnh lãi suất của Ngân hàng cho vay.

Trong trường bị đơn không thực hiện hoặc thực hiện không đúng nghĩa vụ trả nợ thì người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Trần Thanh S phải thực hiện nghĩa vụ bảo lãnh thanh toán hết toàn bộ số nợ của bị đơn phát sinh Hợp đồng dịch vụ thấu chi tài khoản thẻ số 018TC000033/15 ngày 16/6/2015.

2. Án phí dân sự sơ thẩm: Ông Phạm Tứ B phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là 113.024.113 đồng (một trăm mười ba triệu không trăm hai mươi bốn nghìn một trăm mười ba đồng).

Hoàn tiền tạm nộp án phí cho Ngân hàng thương mại cổ phần A là 56.295.665 đồng (Năm mươi sáu triệu hai trăm chín mươi lăm nghìn sáu trăm sáu mươi lăm đồng) theo biên lai thu số AA/2018/0000814 ngày 04/6/2019 của Chi cục thi hành án dân sự quận Gò Vấp, Thành phố Hồ Chí Minh.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

3. Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Ông Phạm Tứ B, ông Trần Thanh S có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày được tính từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Thành viên
Hội đồng xét xử
(Ký tên, ghi rõ họ tên)

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa
(Ký tên, ghi rõ họ tên, đóng dấu)

Nơi nhận :

- TAND TPHCM;
- VKSNDQGV;
- CCTHADS QGV;
- Dương sự;
- Lưu VP, HS.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Nguyễn Hoàng Linh